

**Biểu mẫu 18**

**BỘ XÂY DỰNG  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI**

**THÔNG BÁO**

**Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế của cơ sở giáo dục đại học năm học 2021-2022**

*(Theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

**E. Công khai thông tin về đề án, khóa luận, luận văn, luận án tốt nghiệp**

<b>STT</b>	<b>Trình độ đào tạo</b>	<b>Tên đề tài</b>	<b>Họ và tên người thực hiện</b>	<b>Họ và tên người hướng dẫn</b>	<b>Nội dung tóm tắt</b>
1	Tiến sĩ	Tổ chức không gian kiến trúc chung cư cao tầng xây xen tại khu vực nội đô lịch sử Thành phố Hà Nội	Hồ Chí Quang	GS.TS. Nguyễn Việt Châu PGS.TS. Nguyễn Vũ Phương	<p>1. Đánh giá thực trạng về tổ chức không gian kiến trúc chung cư cao tầng xây xen tại khu vực nội đô lịch sử thành phố Hà Nội, xác định các tồn tại, khó khăn và các điều kiện đặc thù NĐLS HN tác động đến tổ chức không gian kiến trúc chung cư cao tầng.</p> <p>2. Hệ thống hóa cơ sở khoa học, lý luận về tổ chức không gian kiến trúc chung cư cao tầng xây xen tại khu vực nội đô lịch sử. Bổ sung, phát triển, kế thừa có chọn lọc trên nền tảng lý luận khoa học và cơ sở thực tiễn các kiến thức mới có tính chất nguyên lý để tổ chức tổ chức không gian kiến trúc chung cư cao tầng xây xen trong khu vực nội đô lịch sử Hà Nội đảm bảo phát triển bền vững; gắn với bản sắc văn hóa dân tộc trong kiến trúc, cải tạo tiện ích đô thị, kết nối hệ thống TOD, không gian ngầm đô thị....</p> <p>3. Nhận diện hình thái kiến trúc và phân vùng các khu đất có khả năng xây xen chung cư cao tầng; Xác định phạm vi khu vực có thể xây dựng chung cư cao tầng trong khu vực nội đô lịch sử Hà Nội.</p> <p>4. Đề xuất các quan điểm và nguyên tắc để tổ chức không gian kiến trúc chung cư cao tầng xây xen tại khu vực nội đô lịch sử thành phố Hà Nội theo định hướng phát triển bền vững.</p> <p>5. Xây dựng hệ thống tiêu chí tổ chức không gian kiến trúc chung cư cao tầng xây xen khu vực nội đô lịch sử thành phố Hà Nội. Bổ sung, hoàn thiện</p>

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					<p>các tiêu chuẩn, quy chuẩn liên quan để cơ quan quản lý đô thị có cơ sở, căn cứ cấp phép; các nhà đầu tư tổ chức lập, thực hiện các dự án đúng quy định.</p> <p>6. Đề xuất mô hình tổ chức không gian kiến trúc chung cư cao tầng xây xen trong khu vực nội đô lịch sử Hà Nội.</p> <p>7. Đề xuất các giải pháp tổ chức không gian kiến trúc chung cư cao tầng xây xen trong khu vực nội đô lịch sử Hà Nội, gồm: Nhóm giải pháp quy hoạch thích ứng bền vững; Nhóm giải pháp kiến trúc; Nhóm giải pháp gắn tổ chức không gian kiến trúc CCCT xây xen với bản sắc văn hóa dân tộc; Giải pháp tổ chức, cải tạo và quản lý không gian kiến trúc cảnh quan tuyến phố xây dựng.</p>
2	Tiến sĩ	Quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan quần thể di tích cố đô Huế	Lê Ngọc Kiên	PGS.TS. Trần Trọng Hanh	<p>1. Đóng góp mới thứ nhất: Góp phần nâng cao nhận thức về ý nghĩa, tầm quan trọng, vai trò của công tác bảo tồn, phát huy giá trị nổi bật toàn cầu về mặt quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan của di sản thế giới; Hoàn thiện cơ sở khoa học quản lý di sản thế giới về không gian, kiến trúc, cảnh quan trong điều kiện Quần thể di tích cố đô Huế theo định hướng phát triển đô thị di sản thế giới xanh, thông minh và bền vững.</p> <p>Hiện nay, nhận thức về ý nghĩa, vai trò, tầm quan trọng của công tác bảo tồn, phát huy giá trị nổi bật toàn cầu về mặt không gian, kiến trúc, cảnh quan của di sản thế giới rất khác nhau như luận án đã trình bày Mục 2.1 Chương 2 của Luận án, trong đó nghiên cứu sinh (NCS) đã làm rõ một quan điểm nhất quán của luận án về vai trò, vị trí và tầm quan trọng của công tác này trong bối cảnh toàn cầu hóa và phát triển kinh tế - xã hội nhanh nhưng không bền vững ở các quốc gia trong đó có Việt Nam. NCS cho rằng hiệu quả to lớn nhất của quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan các quần thể di tích cố đô là di sản thế giới không chỉ dừng lại ở việc bảo tồn mà còn phải phát huy các giá trị nổi bật toàn cầu của di sản thế giới trong đương đại, coi đó như các tài sản vô giá về vật chất và tinh thần của mỗi quốc gia và toàn nhân loại để truyền lại cho thế hệ mai sau.</p>

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					<p>Luận án cũng góp phần hoàn thiện cơ sở khoa học về quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan trong điều kiện Quần thể di tích cổ đô Huế theo định hướng phát triển đô thị xanh, thông minh và bền vững dựa trên: (i) Hệ tư tưởng và đổi mới tư duy nhận thức; (ii) Cơ sở pháp lý bao gồm: Khung pháp lý và thể chế quốc tế cũng như trong nước; (iii) Cơ sở lý thuyết, 05 bài học kinh nghiệm và 09 yếu tố tác động đến công tác quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan mà các công trình nghiên cứu khoa học và luận án trước đó chưa nghiên cứu một cách toàn diện và hệ thống.</p> <p>2. Đóng góp mới thứ hai: Điều chỉnh, bổ sung phạm vi, ranh giới và xác định các khu vực bảo vệ, phát huy giá trị của Quần thể di tích cổ đô Huế theo định hướng hình thành đô thị di sản Huế tương lai trong thành phố trực thuộc Trung Ương.</p> <p>Phạm vi, ranh giới khu vực bảo vệ di tích được xác định theo Luật Di sản văn hóa và Nghị định số 109/2017/NĐ-CP của Chính phủ, trong đó vùng bảo vệ di tích chỉ bao gồm 02 khu vực nhưng chưa có cơ sở khoa học và phương pháp xác định phạm vi, ranh giới trên.</p> <p>Để giải quyết những tồn tại trên, Luận án đã đề xuất vùng bảo vệ và phát huy giá trị Quần thể di tích cổ đô Huế có thể phân chia thành 02 vùng và 03 khu vực:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khu vực I: Vùng bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, là: “vùng cứng” được UNESCO công nhận là di sản thế giới bao gồm các yếu tố cấu thành di sản thế giới, được ký hiệu RI;</li> <li>- Khu vực II: Vùng đệm là không gian mềm tiếp giáp với khu vực I, ký hiệu RII. Khu vực II bao gồm 02 phân khu vực: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Phân khu II.1 là khu vực bảo vệ trực tiếp, vành đai xanh – kỹ thuật được cấu tạo bởi: (1) Khoảng lùi (R2.1), tính từ chân tường thành của Kinh thành với góc hạn tuyến được chọn là 300 đảm bảo tầm nhìn; không gian xanh và diện tích bố trí các công trình hạ tầng kỹ thuật cần thiết; (2) Đường giao thông bao quanh là đường công vụ phục vụ các hoạt động bảo vệ di tích</li> </ul> </li> </ul>

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					<p>(R2.2), (3) Khoảng cách của khu vực dành cho bố trí các công trình phụ trợ: bãi đỗ xe, quản lý, đón tiếp, đảm bảo an toàn, an ninh du khách (R2.3).</p> <p>+ Phân khu II.2 là khu vực bảo vệ và phát huy giá trị di sản thế giới hoặc vùng ảnh hưởng.</p> <p>Ngoài ra, NCS đã xây dựng công thức để xác định một cách cụ thể phạm vi, ranh giới trên (Công thức 2.1 đến công thức 2.9 của Tiêu mục 3.2.1 của Luận án) để giúp cho các cơ quan quản lý nhà nước xác định một cách cụ thể.</p> <p>3. Đóng góp mới thứ ba: Xây dựng các nhóm giải pháp quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan lồng ghép trong quản lý di sản thế giới Quần thể di tích cố đô Huế và bộ tiêu chí, chỉ số và cơ chế giám sát, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan trong quản lý bảo vệ Quần thể di tích cố đô Huế.</p> <p>Công tác quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đối với Quần thể di tích cố đô Huế khác với quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị thông thường. Do đó, trong Luận án đã đề xuất 05 nhóm giải pháp quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan Quần thể di tích cố đô Huế bao gồm: (1) Rà soát, bổ sung và hoàn thiện các cơ sở pháp lý về quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan Quần thể di tích cố đô Huế; (2) Phân vùng và xác định yêu cầu quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan Quần thể di tích cố đô Huế; (3) Lồng ghép nội dung, giải pháp quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan trong quản lý bảo vệ và phát huy giá trị Quần thể di tích cố đô Huế; (4) Xây dựng đưa vào áp dụng đề án Đổi mới mô hình và nâng cao năng lực của Trung tâm bảo tồn di tích cố đô Huế; (5) Nguyên tắc xây dựng mô hình và thiết chế nâng cao vai trò của cộng đồng và sự tham gia của người dân, trong đó đã thể hiện rõ sự khác biệt giữa công tác quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan Quần thể di tích cố đô Huế khác biệt với các quần thể kiến trúc thông thường khác ở chỗ việc quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan của Quần thể di tích cố đô Huế có nhiệm vụ trọng tâm là bảo vệ, giữ gìn và phát</p>

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					<p>huy giá trị nổi bật toàn cầu của di sản thế giới đồng thời hạn chế tối đa sự phát triển làm thay đổi các giá trị gốc và nổi bật toàn cầu của di sản thế giới.</p> <p>Cho đến nay, việc giám sát, kiểm tra và đánh giá công tác quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan các quần thể di tích cổ đô là di sản thế giới ở Việt Nam trong đó có Quần thể di tích cổ đô Huế chỉ được thực hiện thông qua báo cáo chung theo hướng dẫn của Ủy ban Di sản thế giới và được lập theo định kỳ 06 năm một lần. Để khắc phục tồn tại này, Luận án đã đề xuất bộ tiêu chí, chỉ số và cơ chế giám sát, kiểm tra đánh giá kết quả thực hiện quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan trong quản lý bảo vệ Quần thể di tích cổ đô Huế hàng năm và định kỳ 06 năm. Đề xuất này rất quan trọng cho công tác quản lý Nhà Nước nhằm giúp cho các cơ quan chuyên trách của Chính phủ và chính quyền địa phương luôn cập nhật được thực trạng về các quần thể di tích cổ đô là di sản thế giới của Việt Nam trong đó có Quần thể di tích cổ đô Huế. Đồng thời cho phép hợp tác hiệu quả với Ủy ban Di sản thế giới trong việc gìn giữ tính toàn vẹn, các giá trị gốc và nổi bật toàn cầu của di sản thế giới tại Việt Nam nói chung trong đó có di sản văn hóa thế giới Quần thể di tích cổ đô Huế.</p>
3	Tiến sĩ	Quản lý nguồn cung cấp nước cho các đô thị và khu công nghiệp tỉnh Phú Yên ứng phó với biến đổi khí hậu.	Vũ Bình Sơn	<p>1. PGS.TS. Nguyễn Thị Ngọc Dung</p> <p>2. PGS.TS. Trần Thanh Sơn</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luận án đã phân tích, đánh giá hiện trạng nguồn cung cấp nước; thực trạng các mô hình quản lý nguồn cung cấp nước; các nhân tố ảnh hưởng đến công tác quản lý nguồn cung cấp nước làm cơ sở đề xuất mô hình và các giải pháp quản lý nguồn cung cấp nước cho các ĐT và KCN tỉnh Phú Yên ứng phó với biến đổi khí hậu.</li> <li>- Luận án đã hệ thống hoá cơ sở lý luận, làm rõ một số vấn đề lý luận và các nguyên tắc, nội dung, vai trò QLNN trong hoạt động quản lý nguồn cung cấp nước cho các ĐT và KCN tỉnh Phú Yên.</li> <li>- Đưa ra 06 quan điểm và 04 mục tiêu quản lý nguồn cung cấp nước cho các ĐT và KCN tỉnh Phú Yên ứng phó với BĐKH: 06 quan điểm (1) Quản lý tổng hợp nguồn nước, trên cơ sở tuân thủ theo Luật Tài nguyên nước và các</li> </ul>

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					<p>văn bản dưới luật có liên quan đến quy định quản lý nguồn nước; (2) Phù hợp với định hướng phát triển cấp nước đô thị và khu công nghiệp quốc gia đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050;</p> <p>(3) Phù hợp với quy hoạch cấp nước đô thị và khu công nghiệp, quy hoạch nguồn nước của tỉnh Phú Yên đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050; (4) Có sự phối hợp chặt chẽ và hiệu quả giữa các cơ quan quản lý nhà nước của tỉnh (sở Xây Dựng, sở TN&amp;MT, sở NN&amp;PTNT...) và các đơn vị, tổ chức khai thác sử dụng nguồn cung cấp nước; (5) Cần tuân thủ chặt chẽ các quy định liên quan đến kiểm soát tình hình xâm nhập mặn, hạn hán, lũ lụt, sạt lở đất gây ảnh hưởng đến trữ lượng và chất lượng nguồn cung cấp nước; (6) Ưu tiên đầu tư xây dựng hệ thống quan trắc chất lượng môi trường nước tự động theo quy hoạch.</p> <p>04 mục tiêu (1) Đảm bảo cấp nước an toàn cho các đô thị và khu công nghiệp theo KHCNAT; (2) Đảm bảo cân đối nguồn cung cấp nước cho các đối tượng sử dụng nước; (3) Quản lý tổng hợp nguồn cung cấp nước đảm bảo chất lượng và ứng phó với BĐKH; (4) Mô hình và giải pháp quản lý nguồn nước đồng bộ, toàn diện từ trung ương đến địa phương ứng phó với BĐKH.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đề xuất phương án cân đối nguồn cung cấp nước cho các ĐT và KCN tỉnh Phú Yên đến năm 2030 theo hướng cấp nước an toàn có tính đến BĐKH</li> <li>- Đề xuất quy trình cảnh báo sớm, kiểm soát chất lượng nguồn cung cấp nước Sông (Lấy nguồn nước Sông Ba tại vị trí công trình thu nước cấp cho NMN Tuy Hòa làm điển hình)</li> <li>- Đề xuất mô hình quản lý nguồn cung cấp nước cho các ĐT và KCN tỉnh Phú Yên ứng phó với BĐKH trên cơ sở kết hợp có chọn lọc các phương thức QL linh hoạt và phù hợp với điều kiện cụ thể ở địa phương</li> <li>- Đề xuất chính sách và giải pháp huy động nguồn lực tài chính để quản lý nguồn cung cấp nước, tạo hành lang pháp lý và làm cơ sở để thu hút nguồn vốn đầu tư phát triển, đảm bảo mục tiêu CNAT.</li> </ul>

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
4	Tiến sĩ	Áp dụng phương pháp điều chỉnh đất trong triển khai dự án đầu tư xây dựng khu đô thị tại đô thị trung tâm Hà Nội	Nguyễn Du Minh	1. TS. Lê Trọng Bình 2. TS. Trần Thị Lan Anh	<p>1/ Tổng hợp, đánh giá và chọn lọc những đặc điểm của phương pháp điều chỉnh đất và biện pháp áp dụng phương pháp này trong triển khai dự án đầu tư xây dựng khu đô thị trên thế giới gồm: (i) quá trình hình thành và phát triển; (ii) khái niệm, thuật ngữ; (iii) phương thức thực hiện; (iv) đặc điểm của phương pháp.</p> <p>2/ Nêu được cơ chế thực hiện tại Việt Nam khi áp dụng phương pháp điều chỉnh đất trong triển khai dự án đầu tư xây dựng khu đô thị là quy định góp quyền sử dụng đất và điều chỉnh lại quyền sử dụng đất.</p> <p>3/ Đề xuất biện pháp áp dụng quy định góp quyền sử dụng đất và điều chỉnh lại quyền sử dụng đất trong triển khai dự án gồm: (i) thành lập doanh nghiệp để triển khai dự án từ vốn góp bằng quyền sử dụng đất; (ii) lập phương án góp quyền sử dụng đất và điều chỉnh lại quyền sử dụng đất; (iii) thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng, giao đất và cho thuê đất; (iv) điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi hoàn thành xây dựng; (v) phương thức và nội dung lấy ý kiến các chủ thể có liên quan.</p> <p>4/ Đề xuất loại hình dự án, nhóm tiêu chí đánh giá dự án áp dụng và quy trình triển khai dự án áp dụng quy định góp quyền sử dụng đất và điều chỉnh lại quyền sử dụng đất.</p>
5	Tiến sĩ	Quản lý cao độ nền đô thị nhằm giảm thiểu ngập úng tại khu vực phát triển mở rộng phía Nam Sông Hồng của đô thị trung tâm	Chu Văn Hoàng	PGS.TS. Nguyễn Lâm Quảng	<p>1. Đề xuất bổ sung nội dung quy định mốc giới và quản lý mốc giới theo quy hoạch có liên quan đến cao độ nền đô thị gồm:</p> <p>(i) <i>Bổ sung thông tin của mốc giới về cao độ nền quy hoạch đã được phê duyệt;</i></p> <p>(ii) <i>Bổ sung mốc giới tại các khu vực tiếp giáp khu đô thị với khu dân cư hiện hữu;</i></p> <p>(iii) <i>Bổ sung mốc giới xác định ranh giới mặt nước, hồ điều hòa, khu vực dự kiến ngập tạm thời khi có mưa lũ, các trục tiêu thoát nước chính của đô thị.</i></p> <p>2. Đề xuất bổ sung các chỉ tiêu kỹ thuật trong đồ án quy hoạch cao độ nền và thoát nước mặt đô thị gồm <i>chỉ tiêu về diện tích san nền và hệ số mặt phủ</i></p>

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		thành phố Hà Nội			góp phần nâng cao chất lượng đồ án quy hoạch xây dựng đô thị và quản lý cao độ nền đô thị có tính khả thi hơn. 3. Đề xuất nâng cao năng lực quản lý nhà nước về quản lý cao độ nền đô thị thông qua việc <i>hoàn thiện về tổ chức bộ máy quản lý, ứng dụng hệ thống thông tin địa lý GIS trong quản lý và quy trình cụ thể về tham gia của cộng đồng</i> trong quản lý cao độ nền đô thị trên địa bàn nghiên cứu
6	Tiến sĩ	Mô hình và giải pháp quản lý hồ điều hòa nhằm điều tiết nước mưa, giảm thiểu ngập úng đô thị trung tâm thành phố Hà Nội	Chu Mạnh Hà	PGS.TS. Nguyễn Lâm Quảng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đề xuất giải pháp kỹ thuật gia tăng khả năng điều tiết nước mưa của hồ điều hòa bằng các kỹ thuật về thoát nước bền vững cho Đô thị Trung tâm thành phố Hà Nội ứng phó với biến đổi khí hậu.</li> <li>- Đề xuất giải pháp điều chỉnh quy hoạch thoát nước theo hướng bố trí phân tán các hồ điều hòa cho từng lưu vực thoát nước Đô thị Trung tâm thành phố Hà Nội.</li> <li>- Đề xuất thiết lập Trung tâm Quản lý hồ điều hòa trực thuộc UBND thành phố Hà Nội, là cơ quan đầu mối duy nhất được giao nhiệm vụ quản lý toàn diện hồ điều hòa trong phạm vi thành phố.</li> <li>- Đề xuất về cơ chế chính sách quản lý, chính sách khuyến khích xã hội hóa đầu tư xây dựng hồ điều hòa mới và duy tu cải tạo hồ cũ.</li> </ul>
7	Tiến sĩ	Biểu hiện tính bản địa trong kiến trúc đương đại Việt Nam	Trần Mạnh Cường	1. TS. Nguyễn Trí Thành 2. PGS.TS. Khuất Tân Hưng	<p>Làm rõ cấu trúc của vấn đề tính bản địa trong kiến trúc, xác lập được các phương thức biểu hiện và các khía cạnh biểu hiện tính bản địa tương ứng với các thành phần của môi cảnh bản địa, góp phần hệ thống hoá các lý luận và nhận thức về tính địa trong kiến trúc.</p> <p>Xây dựng được hệ thống tiêu chí nhận diện biểu hiện tính bản địa trong trúc đương đại Việt Nam (gồm 7 nhóm với 25 tiêu chí thành phần). Hệ thống tiêu chí đã được vận dụng có hiệu quả để nhận diện biểu hiện tính bản địa trong một số công trình kiến trúc cụ thể.</p> <p>Đề xuất quan điểm, định hướng, một số nguyên tắc và thủ pháp nhằm nâng cao hiệu quả biểu hiện tính bản địa trong kiến trúc đương đại Việt Nam; trên</p>



STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					<p> cơ sở đó phát triển thành phương pháp thiết kế kiến trúc thể hiện tính bản địa để áp dụng trong thực tế.</p>
8	Tiến sĩ	Quản lý kiến trúc cảnh quan khu phố cổ Hà Nội với sự tham gia của cộng đồng	Phạm Tuấn Long	<p>1. GS.TS. Nguyễn Quốc Thông</p> <p>TS. Trần Quốc Thái</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận diện giá trị kiến trúc cảnh quan và thực trạng tham gia cộng đồng trong quản lý kiến trúc cảnh quan khu phố cổ Hà Nội.</li> <li>- Xây dựng cơ sở khoa học về quản lý kiến trúc cảnh quan và về mức độ tham gia cộng đồng trong quản lý kiến trúc cảnh quan phù hợp với đặc điểm phát triển của khu phố cổ Hà Nội.</li> <li>- Đổi mới mô hình quản lý kiến trúc cảnh quan khu phố cổ Hà Nội với sự tham gia của cộng đồng, trong đó có mô hình tổ chức cộng đồng tự quản.</li> <li>- Xây dựng quy chế quản lý kiến trúc cảnh quan phù hợp với đặc điểm phát triển của khu phố cổ Hà Nội.</li> </ul>
9	Tiến sĩ	Nghiên cứu công trình lọc ODM-2F để loại bỏ cặn lơ lửng trong xử lý nâng cao nước thải đô thị nhằm mục đích tái sử dụng	Hoàng Huệ Quân	<p>1. GS.TSKH. Trần Hữu Uyên</p> <p>2. PGS.TS. Nghiêm Văn Khanh</p>	<p>1. Lựa chọn được dây chuyền công nghệ xử lý nâng cao nước thải bằng sự kết hợp giữa công nghệ khử chất hữu cơ và dinh dưỡng bằng MBBR và công nghệ khử cặn lơ lửng và hòa tan bằng lọc ODM-2F đảm bảo chất lượng nước cho mục đích chữa cháy, tưới cây rửa đường trong đô thị</p> <p>2. Kết quả nghiên cứu thực nghiệm chứng minh về khả năng lọc cặn tốt của vật liệu đa năng và từ kết quả đó đã xây dựng được phương pháp tính toán công trình lọc ODM-2F trong công đoạn xử lý nâng cao nước thải để tái sử dụng cho mục đích cấp nước chữa cháy, tưới cây rửa đường trong đô thị. Phương pháp tính toán công trình lọc ODM-2F thực hiện theo 5 bước:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định nhu cầu dùng nước tái sử dụng theo công thức được xây dựng trong luận án: <math>Q_{cndt}(III,tsd) = 0,6125qoN</math> (đối với đô thị loại III trở lên) và <math>Q_{cndt}(IV,tsd) = 0,54qoN</math> (đối với đô thị loại IV và V)</li> <li>(Ghi chú: qo-tiêu chuẩn cấp nước, l/người/ngđ; N – dân số tính toán, người);</li> <li>+ Chọn thời gian chu kỳ lọc theo đồ thị hình 4.3 đã được lập trong luận án và từ đó xác định được chiều dày lớp lọc theo công thức lý thuyết;</li> <li>+ Xác định diện tích lọc;</li> <li>+ Xác định số bể lọc;</li> </ul>

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					<p>+ Kiểm tra tốc độ lọc tăng cường: và</p> <p>+ Tính toán hệ thống phân phối nước lọc và rửa lọc.</p> <p>3. Tính toán sơ bộ về kinh tế, kỹ thuật cho thấy giải pháp xử lý và tái sử dụng nước thải cho mục đích chữa cháy, tưới cây rửa đường trong đô thị là hoàn toàn khả thi và mang lại các lợi ích kinh tế, xã hội và môi trường.</p>
10	Tiến sĩ	Nghiên cứu công nghệ SBR sử dụng bùn hạt hiếu khí để xử lý nước thải đô thị	Phạm Văn Doanh	<p>1. PGS.TS. Trần Thị Việt Nga</p> <p>2. PGS.TS. Nguyễn Thị Ngọc Dung</p>	<p><input type="checkbox"/> Nuôi cấy thành công bùn hạt hiếu khí trên mô hình công nghệ bể xử lý theo mẻ (SBR) trong phòng thí nghiệm tại Việt Nam với chất nền acetate có tải trọng hữu cơ (OLR) từ <math>2,7 \div 3,0</math> (kgCOD/m<sup>3</sup>.ngày) với cường độ sục khí <math>q = 12,5 \div 28,5</math> (m<sup>3</sup>/m<sup>2</sup>.giờ) bằng nghiên cứu thực nghiệm.</p> <p><input type="checkbox"/> Nghiên cứu ứng dụng thành công bùn hạt hiếu khí trên mô hình công nghệ SBR để xử lý nước thải đô thị ở Thành phố Hà Nội có tải trọng hữu cơ thấp, làm cơ sở để cải tiến công nghệ SBR nhằm nâng cao hiệu quả xử lý nước thải đô thị trong điều kiện Việt Nam. Đề xuất đây chuyên công nghệ mới ứng dụng bùn hạt hiếu khí để xử lý nước thải đô thị tại Việt Nam.</p>